TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thành Phước.

Ông Đỗ Văn Quân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Tăng Quốc H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tuyết S và anh Tăng Quốc H tự nguyện kết hôn tháng 01/2018, nhưng đến ngày 18/11/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày

10/10/2018 hiện nay Nghi Đ do chị S nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Nay chị S yêu cầu như sau: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết S yêu cầu được ly hôn với anh Tăng Quốc H. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết S thống nhất giao con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018 cho anh Tăng Quốc H nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị S không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tăng Quốc H trình bày:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, anh H biết sự việc chị S yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, anh H có ý kiến trình bày anh H và chị S kết hôn tháng 01/2018 nhưng đến ngày 18/11/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và thời gian không còn sống chung đúng như chị S trình bày. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018, hiện nay Nghi Đ do chị S nuôi dưỡng. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị S thì anh H thống nhất. Về con chung: Trường hợp chị S đồng ý giao con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018 cho anh H nuôi dưỡng đến khi thành niên thì anh đồng ý và anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018 cho chị S nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 06/7/2022, chị Nguyễn Thị Tuyết S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tăng Quốc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn anh Tăng Quốc H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết S và anh Tăng Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị S và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị S và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị S và anh H chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 02 năm 2020. Từ khi không sống chung đến nay chị S không có gặp anh H để bàn bạc hàn gắn lại tình cảm.

Xét thấy, chị S không chủ động gặp anh H để hàn gắn tình cảm, hiện nay hôn nhân của chị S và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị S và anh H không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị S yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Tuyết S và anh Tăng Quốc H có một con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018. Hiện nay Nghi Đ đang sống với chị S.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết S được nuôi con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018 cho đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày chị S có nguyện vọng nuôi Tăng Nghi Đ khi ly hôn và chị S đủ điều kiện nuôi Nghi Đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Tuyết S nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tuyết S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết S xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị Nguyễn Thị Tuyết S chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình. Anh Tăng Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn với anh Tăng Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Tăng Nghi Đ, sinh ngày 10/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Tuyết S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi Nghi Đ thành niên. Anh Tăng Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Tăng Nghi Đ cho anh H, không ai được cản trở. Anh Tăng Quốc H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Tăng Nghi Đ của chị Nguyễn Thị Tuyết S.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết S xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005068 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng như vậy chị

Nguyễn Thị Tuyết S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; anh Tăng Quốc H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết S được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Tăng Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng